

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẤT ĐAI VÀO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

**Nguyễn Văn Tâm¹, Nông Thị Nga²,
Bùi Ngọc Sơn³, Dương Thị Thu Hoài⁴
Nguyễn Khắc Hải⁵**

Tóm tắt

Huyện Bảo Lạc đã huy động hơn 282.000 m² đất từ sự đóng góp của người dân để phục vụ cho việc xây dựng nông thôn mới (XDNTM). Diện tích đất này chủ yếu được sử dụng để mở rộng hệ thống giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hóa, trường học và kênh mương thủy lợi, nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống người dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực. Bài báo phân tích bốn yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến công tác huy động nguồn lực đất đai tại huyện Bảo Lạc, bao gồm: cơ chế và chính sách quản lý chương trình; nhận thức của cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới; năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở trong công tác triển khai chương trình; và điều kiện kinh tế hộ gia đình. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng và phân tích các yếu tố tác động, bài báo đề xuất năm giải pháp để nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực đất đai cho XDNTM tại huyện Bảo Lạc: tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; củng cố sự lãnh đạo của cấp Ủy và Ban chỉ đạo chương trình; cải thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích huy động nguồn lực đất đai; và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện huy động nguồn lực đất đai.

Từ khóa: Nguồn lực đất đai, xây dựng nông thôn mới, chính sách huy động đất đai, kinh tế hộ gia đình, năng lực quản lý đất đai.

SOLUTIONS FOR MOBILIZING LAND RESOURCES FOR NEW RURAL DEVELOPMENT IN BAO LAC DISTRICT, CAO BANG PROVINCE

Abstract

Bao Lac District has proactively mobilized over 282,000 m² of land from local contributions to support the implementation of the Rural Development Program (RDP). This land area is primarily used for expanding the rural transportation system, constructing cultural houses, schools, and irrigation canals, aimed at supporting agricultural production, improving the living standards of residents, and promoting sustainable development in the region. The article analyzes four key factors that influence land resource mobilization in Bao Lac District, including: the mechanisms and policies for program management; community awareness of the rural development program; the capacity of grassroots officials in implementing the program; and the economic conditions of households. Based on the findings from the current situation and analysis of the influencing factors, the article proposes five solutions to enhance the effectiveness of land resource mobilization for rural development in Bao Lac District: strengthening communication and community advocacy efforts; improving the capacity of grassroots officials; reinforcing leadership from the Party committee and program steering committee; improving mechanisms and policies that encourage land resource mobilization; and enhancing the monitoring and supervision of the land resource mobilization process.

Keywords: Land resources, new rural construction, land resource mobilization policy, household economy, land management capacity.

JEL classification: O, O12, O13, O18.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm vừa qua, Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) được triển khai trên cả nước đã

góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống của người dân huyện Bảo Lạc. Hiện nay, kinh tế của huyện tăng trưởng khá, thu nhập bình quân đầu người từ 16,6 triệu đồng năm 2016 đã tăng lên

28 triệu đồng năm 2022 và đạt 32 triệu đồng vào năm 2024 (Hoàng Văn Cầm và cộng sự, 2021; Huỳnh Công Chất, 2016). Sự tăng trưởng này phản ánh nỗ lực của địa phương trong việc cải thiện thu nhập và chất lượng sống của người dân, đồng thời cho thấy hiệu quả của chương trình phát triển nông thôn trong khu vực (Nguyễn Thị Thu Hiền, 2017). Hệ thống giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn huyện cũng có những cải thiện đáng kể. Đến năm 2024, toàn huyện có 13 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 147,87 km, trong đó đường bê tông chiếm 10%, đường nhựa hóa đạt 25%, còn lại là cấp phối (Hân 2013). Đường xã với 138 tuyến dài 446,1 km cũng có tỷ lệ bê tông hóa tăng lên 8%, đường cấp phối duy trì ở mức 85%, còn lại là đường đất (Huyền, Tùng, và Mai 2019). Đáng chú ý, đường thôn bản có thể đi được bằng xe tải nhẹ đạt 90% và xe máy đi lại được đạt 96%, góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa (Nguyễn Tiếp Tân và Nguyễn Hồng Trường, 2021).

Bên cạnh sự phát triển kinh tế và giao thông, đời sống của người dân cũng có sự thay đổi rõ rệt. Tỷ lệ phổ cập giáo dục tăng lên, với 98,5% trẻ em trong độ tuổi được đến trường, tỷ lệ phòng học kiên cố và bán kiên cố đạt 98,2% (Chất 2016). Công tác chăm sóc sức khỏe cũng có những bước tiến quan trọng, với 16/17 xã, thị trấn đạt "Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã" vào năm 2024, và 100% các xóm có nhà văn hóa kiên cố phục vụ sinh hoạt cộng đồng (Báo Cao Bằng, 2023). Từ thực tiễn quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Bảo Lạc, việc huy động các nguồn lực phục vụ chương trình được xác định là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết. Trong đó, khai thác và sử dụng nguồn lực đất đai đóng vai trò then chốt, giúp thúc đẩy đổi mới sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và hoàn thành các tiêu chí của chương trình (Huỳnh Công Chất 2016). Việc nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng nguồn lực đất đai và đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả là điều kiện cần thiết để đảm bảo tính bền vững cho chương trình (Hoàng Văn Cầm và cộng sự, 2021; Trần Thị Hồng và Lương Thị Mỹ Chải, 2023). Các giải pháp này không chỉ phải phù hợp với thực tế địa phương mà còn cần khuyến khích sự tham gia tự nguyện và tinh thần dân chủ của người dân, nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội toàn diện (Huỳnh Công Chất 2016; Mai Thị

Huyền và cộng sự, 2019). Với bối cảnh đó, việc thực hiện nghiên cứu "Giải pháp huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng" không chỉ mang tính cấp thiết mà còn đảm bảo tính mới, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển bền vững của địa phương (Nguyễn Tiếp Tân và Nguyễn Hồng Trường, 2021; Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú, 2016).

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Chọn địa điểm nghiên cứu

Huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, bao gồm 16 xã và 01 thị trấn, trong đó xã Huy Giáp đã đạt chuẩn Nông Thôn Mới (NTM). Để khảo sát và đánh giá giải pháp huy động nguồn lực đất đai, nghiên cứu chọn 3 xã tiêu biểu: xã Huy Giáp (đã đạt chuẩn NTM) giúp hiểu rõ các yếu tố thành công và biện pháp triển khai hiệu quả; xã Kim Cúc (đạt 9 tiêu chí NTM) đại diện cho các xã đạt từ 8 đến 11 tiêu chí, nhằm tìm hiểu khó khăn và thách thức trong quá trình tiến gần đến chuẩn NTM; và xã Xuân Trường (đạt 4 tiêu chí NTM) đại diện cho các xã đạt dưới 7 tiêu chí, để xác định các rào cản lớn nhất và đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

2.2.1. Thu thập thông tin thứ cấp

Tổng hợp các lý luận về huy động nguồn lực đất đai, các văn bản pháp lý, tài liệu, báo cáo, số liệu thống kê và kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình XDNTM, đặc biệt là các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đất đai.

2.2.2. Thu thập thông tin sơ cấp

Trong nghiên cứu này, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống được áp dụng nhằm đảm bảo tính đại diện và không thiên vị trong quá trình điều tra hộ dân. Với tổng số 11.248 hộ dân tại huyện Bảo Lạc, công thức Slovin với sai số 10% xác định cỡ mẫu là 99,11 hộ. Tuy nhiên, để tăng độ chính xác, nghiên cứu quyết định mở rộng cỡ mẫu lên 135 hộ. Bên cạnh khảo sát hộ dân, nghiên cứu cũng thực hiện phỏng vấn 21 cán bộ huyện, xã và thôn, bao gồm đại diện từ Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, nhằm thu thập thông tin đa chiều về việc huy động và quản lý nguồn lực tại cấp cơ sở, góp phần đánh giá thực trạng và thách thức trong quá trình triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.3. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

2.3.1. Phương pháp thống kê mô tả

Hệ thống hóa và phân tích số liệu điều tra giúp xác định mối liên hệ giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa, thu nhập và huy động nguồn lực đất đai. Qua việc phân loại và tổ chức dữ liệu, ta có thể nhận diện các xu hướng và mối tương quan giữa các yếu tố như thu nhập, tỷ lệ thất nghiệp, và phát triển kinh tế với khả năng huy động đất đai. Các yếu tố văn hóa, như truyền thống và sự tham gia cộng đồng, cũng được xem xét để hiểu động lực và rào cản trong huy động nguồn lực. Phân tích này giúp xác định khu vực tiềm năng và những khu vực cần hỗ trợ, đồng thời đưa ra các đề xuất cải thiện hiệu quả huy động nguồn lực đất đai.

2.3.2. Phương pháp thống kê so sánh

So sánh kết quả huy động nguồn lực đất đai giữa các xã giúp đánh giá hiệu quả các giải pháp

đã triển khai. Ví dụ, xã Huy Giáp có thể đạt hiệu quả cao nhờ chính sách hỗ trợ và sự tham gia cộng đồng, trong khi xã Xuân Trường gặp khó khăn do thiếu hỗ trợ hoặc cơ sở hạ tầng hạn chế. Phân tích này giúp so sánh phương pháp và chính sách, rút ra bài học và điều chỉnh chiến lược cho phù hợp. Kết quả cung cấp cơ sở để đề xuất biện pháp cải thiện, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong phân bổ tài nguyên, góp phần phát triển bền vững các xã trong huyện.

3. Kết quả và thảo luận.

3.1. Khái quát thực trạng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2024

3.1.1. Thực trạng xây dựng NTM trên địa bàn huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 – 2024

Bảng 1: Tổng hợp kết quả rà soát các tiêu chí NTM huyện Bảo Lạc trong giai đoạn 2020 - 2024

(ĐVT: Xã)

TT	Thực hiện các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024
1	Số xã đạt 19/19 tiêu chí	1	1	1	1	1
2	Số xã đạt 15 - 18 tiêu chí	0	0	0	0	0
3	Số xã đạt 10 - 14 tiêu chí	3	7	2	4	4
4	Số xã đạt 05 - 09 tiêu chí	12	8	12	11	11
5	Số xã đạt dưới 05 tiêu chí	0	0	1	0	0

Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện chương trình XD NTM huyện Bảo Lạc 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

Quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Bảo Lạc từ năm 2020 đến 2024 cho thấy sự chênh lệch rõ rệt giữa các xã. Chỉ có 1 xã đạt đủ 19/19 tiêu chí trong suốt 5 năm qua, trong khi không có xã nào đạt từ 15 - 18 tiêu chí. Sự biến động trong số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí phản ánh tình trạng tiến triển không đều, mặc dù có sự gia tăng vào các năm 2021 và 2023, nhưng kết quả vẫn chưa ổn định. Mặc dù số xã đạt từ 05 - 09 tiêu chí cũng dao động, nhưng từ năm 2023, không còn xã nào đạt dưới 05 tiêu chí. Những kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của (Huyền và cộng sự, 2019), khi chỉ ra rằng chính sách hỗ trợ, sự tham gia cộng đồng và quản lý nguồn lực

đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững của chương trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, để đạt được kết quả tốt hơn, huyện cần tăng cường huy động nguồn lực, nâng cao công tác quản lý và đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng.

3.1.2. Thực trạng huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng các công trình thủy lợi trên địa bàn 3 xã nghiên cứu

Bảng 2 thể hiện kết quả huy động nguồn lực đất đai vào việc xây dựng các công trình thủy lợi tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường trong năm 2024

Bảng 2: Kết quả huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng các công trình thủy lợi trên địa bàn 3 xã nghiên cứu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024
Xã Huy Giáp		
Số kênh mương thủy lợi được xây dựng	Km	32,10
Số kênh được xây dựng	Kênh	6
Đóng góp của người dân		
Hiện đất làm thủy lợi	M ²	112,50
Xã Kim Cúc		
Số kênh mương thủy lợi được xây dựng	Km	28,75
Số kênh được xây dựng	Kênh	4
Đóng góp của người dân		
Hiện đất làm thủy lợi	M ²	78,90
Xã Xuân Trường		
Số kênh mương thủy lợi được xây dựng	Km	23,50
Số kênh được xây dựng	Kênh	2
Đóng góp của người dân		
Hiện đất làm thủy lợi	M ²	75,30

Nguồn: UBND xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường, năm 2024

Bảng 2 so sánh kết quả huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng các công trình thủy lợi tại ba xã nghiên cứu đến năm 2024. Xã Huy Giáp thể hiện sự chủ động và đóng góp lớn nhất trong việc xây dựng các công trình thủy lợi, với số lượng kênh và diện tích đất hiến vượt trội so với các xã còn lại. Trong khi đó, xã Kim Cúc mặc dù đạt được tiến triển đáng kể nhưng không bằng Huy Giáp, cả về số lượng kênh xây dựng lẫn diện tích đất đóng góp. Xã Xuân Trường có kết quả thấp nhất trong ba xã, cả về số lượng kênh mương xây dựng lẫn diện tích đất hiến,

cho thấy mức độ tham gia cộng đồng tại đây còn hạn chế hơn so với hai xã còn lại. Sự khác biệt này phản ánh sự chênh lệch trong mức độ huy động nguồn lực và sự tham gia của cộng đồng tại mỗi địa phương.

3.1.3. Thực trạng huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng các công trình hoạt động văn hoá, xã hội tại 3 xã nghiên cứu

Bảng 3 trình bày kết quả huy động nguồn lực đất đai cho việc xây dựng các công trình văn hoá và xã hội tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường trong năm 2024

Bảng 3: Kết quả huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng các công trình hoạt động văn hoá, xã hội tại 3 xã nghiên cứu

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024
I	Xã Huy Giáp		
1	Số nhà văn hóa được xây mới, sửa chữa nâng cấp	Nhà	26
-	Xây mới	Nhà	14
-	Sửa chữa, nâng cấp	Nhà	12
2	Số nhà thể thao cộng đồng được xây mới	Nhà	3
3	Người dân hiến đất làm nhà VH, nhà thể thao cộng đồng	M ²	400,0
4	Người dân hiến đất để xây dựng trường mầm non và các điểm trường	M ²	32.000
II	Xã Kim Cúc		
1	Số nhà văn hóa được xây mới, sửa chữa nâng cấp	Nhà	20
-	Xây mới	Nhà	11
-	Sửa chữa, nâng cấp	Nhà	9
2	Số nhà thể thao cộng đồng được xây mới	Nhà	3
3	Người dân hiến đất làm nhà VH, nhà thể thao cộng đồng	M ²	270,5
4	Người dân hiến đất để xây dựng trường mầm non và các điểm trường	M ²	16.000
III	Xã Xuân Trường		
1	Số nhà văn hóa được xây mới, sửa chữa nâng cấp	Nhà	6
-	Xây mới	Nhà	1
-	Sửa chữa, nâng cấp	Nhà	5
2	Số nhà thể thao cộng đồng được xây mới	Nhà	1
3	Người dân hiến đất làm nhà VH, nhà thể thao cộng đồng	M ²	125,0
4	Người dân hiến đất để xây dựng trường mầm non và các điểm trường	M ²	16.500

Nguồn: UBND xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường, năm 2024

Bảng 3 so sánh kết quả huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng các công trình văn hóa và xã hội tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường trong năm 2024. Xã Huy Giáp nổi bật với số lượng lớn các công trình văn hóa được xây mới và nâng cấp, cùng với diện tích đất hiến cho các nhà văn hóa, nhà thể thao cộng đồng và trường học. So với Huy Giáp, xã Kim Cúc có kết quả huy động nguồn lực cao nhưng thấp hơn về số lượng công trình và đất hiến. Xã Xuân Trường có kết quả khiêm tốn nhất, với số lượng công trình xây mới và diện tích đất hiến thấp hơn so với hai xã còn lại, phản ánh sự tham gia và

đóng góp của cộng đồng tại đây còn hạn chế hơn. Sự khác biệt này cho thấy mức độ huy động và đóng góp cộng đồng tại mỗi xã có sự chênh lệch rõ rệt.

3.1.4. Thực trạng công tác kiểm tra giám sát huy động nguồn lực đất đai trong XDNTM

Dưới đây là bảng số liệu về tỷ lệ người dân tham gia đóng góp và kiểm tra, giám sát trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường. Bảng số liệu này cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong mức độ tham gia của cộng đồng tại các xã

Bảng 4: Tỷ lệ người dân tham gia đóng góp, kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới

Nội dung đóng góp	Huy Giáp		Kim Cúc		Xuân Trường		Tỷ lệ TB (%)
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	
Tham gia đóng góp ý kiến	15	33	11	24	6	13	23.70
Tham gia kiểm tra, giám sát	18	40	14	31	10	22	31.11
Không tham gia	12	27	20	44	29	64	45.19
Tổng cộng	45	100	45	100	45	100	

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2022

Bảng 4 cho thấy xã Huy Giáp có tỷ lệ tham gia đóng góp ý kiến và giám sát cao nhất, cho thấy người dân tại đây rất tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng nông thôn mới. Xã Kim Cúc có mức độ tham gia nằm ở mức trung bình, với tỷ lệ tham gia thấp hơn Huy Giáp nhưng vẫn cao hơn Xuân Trường. Trong khi đó, xã Xuân Trường có tỷ lệ không tham gia cao nhất, đặc biệt trong việc đóng góp ý kiến và giám sát, phản ánh sự hạn chế trong mức độ tham gia của cộng đồng ở địa phương này. Điều này chỉ ra rằng mặc dù có sự tham gia của người dân ở tất cả các xã, nhưng cần có những biện pháp mạnh mẽ hơn để khuyến khích và nâng cao sự tham gia của cộng đồng, đặc

biệt là tại xã Xuân Trường.

3.1.5. Đánh giá của cán bộ, người dân về việc huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng nông thôn mới

Khảo sát người dân và cán bộ công chức tại 3 xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường cho thấy 100% người dân đã được tuyên truyền về quá trình xây dựng NTM, hiểu rõ mục đích và tiêu chí, đồng thời được khuyến khích tham gia các phong trào như đổi mới sản xuất, làm đường, xây dựng văn hóa và bảo vệ môi trường. Kết quả phỏng vấn về sự cần thiết của việc huy động đất đai vào xây dựng NTM được trình bày trong bảng 5.

Bảng 5: Đánh giá của người dân và CBCC về sự cần thiết huy động đất đai vào xây dựng nông thôn mới

(ĐVT: %)

STT	Xã	Đánh giá của người dân			Đánh giá của CBCC		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Huy Giáp	75,5	14,5	10,0	85,4	12,2	2,4
2	Kim Cúc	73,1	18,5	8,4	86,3	7,1	6,6
3	Xuân Trường	78,9	14,8	6,3	88,8	6,4	4,8
	Trung bình	75,8	15,9	8,3	86,8	8,5	4,7

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2022

Qua bảng, có thể nhận thấy phần lớn người dân và cán bộ công chức cấp xã đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc huy động nguồn lực đất đai trong xây dựng nông thôn mới (NTM) tại địa phương. Cụ thể, 75,8% người dân cho rằng việc huy động đất đai là rất cần thiết, 15,9% cho rằng cần thiết, và chỉ 8,3% cho rằng không cần thiết, đây là tỷ lệ thấp nhất. Đối với cán bộ công chức cấp xã, 86,8% đánh giá việc huy động nguồn lực đất đai rất cần thiết, 8,5% cho rằng cần thiết, và 4,7% cho rằng không cần thiết. Điều này cho thấy cán bộ cấp xã đã nhận thức rõ vai trò của nguồn lực đất đai trong công cuộc xây dựng NTM. Thực tế, khi được tuyên truyền về lợi ích của các công trình NTM, nhiều hộ dân đã sẵn sàng hiến đất, tiền của và công sức, dù việc xây

dựng có ảnh hưởng đến diện tích canh tác, bởi họ hiểu rằng các công trình này phục vụ lợi ích chung của cộng đồng và gia đình.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng nông thôn mới tại huyện Bảo Lạc

3.2.1. Ảnh hưởng của cơ chế, chính sách và năng lực ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới

Nghiên cứu đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến việc huy động đất đai cho xây dựng nông thôn mới tại huyện Bảo Lạc. Kết quả từ bảng 6 cho thấy, trong 5 tiêu chí, phương pháp huy động và công tác tuyên truyền, vận động có ảnh hưởng lớn nhất. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của phương pháp và tuyên truyền hiệu quả trong việc huy động nguồn lực.

Bảng 6: Ảnh hưởng của nhóm các yếu tố về cơ chế, chính sách và năng lực ban quản lý chương trình xây dựng NTM

Chỉ tiêu	Huy Giáp	Kim Cúc	Xuân Trường	BQC
1. Chính sách của Nhà nước trong việc huy nguồn lực đất đai cho xây dựng NTM	3,29	3,21	3,11	3,20
2. Phương pháp huy động nguồn lực đất đai	4,24	4,0	3,98	4,21
3. Khả năng đầu tư của ngân sách và toàn xã hội cho nguồn lực đất đai	2,57	2,87	2,89	2,78
4. Công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích huy động nguồn lực đất đai cho XDNTM	3,55	3,57	3,31	3,47
5. Sự phối hợp giữa các ban, ngành trong việc huy động nguồn lực đất đai	2,78	3,29	3,12	3,06

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2024

Bảng 6 phân tích ảnh hưởng của các yếu tố về cơ chế, chính sách và năng lực quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường. Chính sách của Nhà nước trong việc huy động nguồn lực đất đai được đánh giá cao nhất tại Huy Giáp (3,29) và thấp nhất tại Xuân Trường (3,11), với điểm trung bình chung là 3,20. Phương pháp huy động nguồn lực đất đai có ảnh hưởng lớn nhất, đặc biệt tại Huy Giáp với điểm 4,24, dẫn đến điểm trung bình 4,21. Khả năng đầu tư của ngân sách và toàn xã hội có điểm trung bình thấp nhất (2,78), cho thấy đây là yếu tố còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động đạt điểm trung bình 3,47, với Kim Cúc có điểm cao nhất (3,57) và Xuân Trường thấp nhất

(3,31). Sự phối hợp giữa các ban, ngành đạt điểm trung bình 3,06, cao nhất ở Kim Cúc (3,29) và thấp nhất ở Huy Giáp (2,78). Nhìn chung, phương pháp huy động và công tác tuyên truyền là hai yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất, trong khi khả năng đầu tư từ ngân sách còn hạn chế trong việc huy động nguồn lực đất đai cho xây dựng NTM.

3.2.2. Ảnh hưởng nhận thức của người dân về huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng nông thôn mới

Bảng 7 trình bày về mức độ ảnh hưởng của nhận thức người dân đến quá trình huy động nguồn lực đất đai trong xây dựng nông thôn mới (NTM) tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường

Bảng 7: Ảnh hưởng nhận thức của người dân đến quá trình huy động nguồn lực đất đai trong xây dựng NTM

Nội dung	ĐVT	Huy Giáp	Kim Cúc	Xuân Trường
Trình độ của chủ hộ				
THPT	%	55,6	2,2	6,67
THCS	%	33,33	68,9	20,0
Tiểu học	%	8,9	20,00	62,2
Không biết chữ	%	2,2	8,9	11,13
Tỷ lệ người dân được tham gia đóng góp ý kiến	%	33,33	24,44	13,33
Tỷ lệ người dân được tham gia kiểm tra, giám sát	%	40	31,11	22,22
Kết quả hiến đất của người dân cho XDNTM	M ²	120.832,63	57.467,05	35.824,25

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2024

Người dân đóng vai trò chủ chốt trong quá trình xây dựng nông thôn mới (NTM), do đó sự thành công của chương trình phụ thuộc lớn vào nhận thức của họ. Tại 3 xã được nghiên cứu, nhận thức của người dân có tác động đáng kể đến việc huy động nguồn lực đất đai cho xây dựng NTM. Xã Huy Giáp, đã hoàn thành mục tiêu NTM, có tỷ lệ người dân đạt trình độ THPT cao nhất (55,6%) và tỷ lệ người không biết chữ thấp nhất (2,2%). Đồng thời, tỷ lệ người dân tham gia đóng góp ý kiến và kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng đất đai cũng cao nhất (33,33% và 40,0%). Kết quả, người dân Huy Giáp đã hiến 120.832,63 m² đất, cao hơn nhiều so với xã Kim Cúc (57.467,05 m²) và Xuân Trường (35.824,25 m²). Qua khảo sát số lượng cán bộ làm NTM từ cấp xã trở lên tại huyện Bảo Lạc đều có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên. Tuy nhiên năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực nhiệm vụ huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực trong XDNTM của một số cán bộ

xã, cán bộ thôn còn chưa quyết liệt, một bộ phận cán bộ xã, cán bộ thôn chưa tập trung nghiên cứu kỹ các quy định hướng dẫn nên còn lúng túng trong điều hành, chỉ đạo và báo cáo tình hình chưa sát, thiếu kịp thời. Kết quả khảo sát cán bộ lãnh đạo cấp huyện và người dân về năng lực và tinh thần trách nhiệm của cán bộ thực hiện làm nông thôn mới cấp huyện, cấp xã, cấp thôn được thể hiện qua bảng.

Bảng 8 tóm tắt đánh giá của lãnh đạo ban chỉ đạo NTM cấp huyện về năng lực, trách nhiệm và kỹ năng thực thi công việc của cán bộ làm NTM tại huyện Bảo Lạc. Cán bộ cấp huyện được đánh giá khá tốt về tinh thần trách nhiệm (3,4) và hiểu biết về các tiêu chí NTM (3,41), trong khi các kỹ năng như xử lý công việc, viết báo cáo, và ra quyết định đều ở mức trung bình. Cán bộ cấp xã cũng có năng lực trung bình, với kỹ năng giao tiếp được đánh giá khá tốt (3,41), nhưng các kỹ năng xử lý công việc và lập kế hoạch còn yếu (2,61 và 2,95)

Bảng 8: Đánh giá năng lực, trách nhiệm và kỹ năng của cán bộ, công chức tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tại huyện Bảo Lạc (n=21)

TT	Các tiêu chí đánh giá	Ý kiến đánh giá	Ý nghĩa
I	Cán bộ cấp huyện		
1	Hiểu rõ về các tiêu chí và nội dung thực hiện CT MTQG XD NTM	3,41	Khá
2	Năng lực xử lý công việc	3,36	Trung bình
3	Tinh thần trách nhiệm trong công việc	3,4	Khá
4	Kỹ năng viết báo cáo, tổng hợp BC	3,28	Trung bình
5	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	3,34	Trung bình
6	Kỹ năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch	3,31	Trung bình
7	Kỹ năng ra quyết định hành chính	3,28	Trung bình
8	Kỹ năng triển khai các chính sách của Nhà nước	3,36	Trung bình
II	Cán bộ cấp xã		
1	Hiểu rõ về các tiêu chí và nội dung thực hiện CT MTQG XDNTM	3,32	Trung bình
2	Năng lực xử lý công việc	2,61	Trung bình
3	Tinh thần trách nhiệm trong công việc	2,76	Trung bình
4	Kỹ năng lãnh đạo, kiểm tra giám sát	3,0	Trung bình
5	Kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin ở cơ sở	3,41	Khá
6	Kỹ năng tổ chức hội họp	3,4	Trung bình
8	Kỹ năng tập hợp, vận động quần chúng nhân dân	3,4	Trung bình
9	Kỹ năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch	2,95	Trung bình
10	Kỹ năng triển khai các chính sách của Nhà nước	3,31	Trung bình

Nguồn: kết quả khảo sát năm 2023

Bảng 8 đánh giá năng lực, trách nhiệm và kỹ năng của cán bộ, công chức tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tại huyện Bảo Lạc. Cán bộ cấp huyện được đánh giá khá về hiểu biết các tiêu chí NTM (3,41) và tinh thần trách nhiệm (3,4), nhưng các kỹ năng khác như xử lý công việc, lập kế hoạch và ra quyết định hành chính chỉ đạt mức trung bình (từ 3,28 đến 3,36). Điều này phù hợp với nghiên cứu của (Trần Thị Hồng và Lương Thị Mỹ Chải, 2023), nhấn mạnh rằng việc thiếu kỹ năng quản lý hành chính và lập kế hoạch là một trong những yếu tố làm giảm hiệu quả triển khai chương trình NTM. Cán bộ cấp xã có năng lực tổng thể thấp hơn, với

kỹ năng giao tiếp ở cơ sở được đánh giá khá (3,41), nhưng năng lực xử lý công việc (2,61) và tinh thần trách nhiệm (2,76) chỉ đạt mức trung bình. Theo (Hoàng Văn Cầm và cộng sự, 2021), điều này có thể là kết quả của việc thiếu đào tạo liên tục và sự thiếu hụt hỗ trợ từ các cấp trên. Các kỹ năng lập kế hoạch và triển khai chính sách của cán bộ cấp xã cũng ở mức trung bình, cho thấy cần nâng cao hơn nữa các kỹ năng này để cải thiện hiệu quả công việc.

Bảng 9 trình bày đánh giá của người dân về kiến thức, kỹ năng, thái độ của cán bộ, công chức cấp xã và thôn trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM).

Bảng 9: Đánh giá của người dân về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thực thi công việc của cán bộ, công chức làm NTM cấp xã, cấp thôn

TT	Các tiêu chí đánh giá	Ý kiến đánh giá	Ý nghĩa
I	Cán bộ cấp xã		
1	Hiểu rõ về các tiêu chí và nội dung thực hiện CT MTQG XDNTM	3,18	Trung bình
2	Kỹ năng xử lý công việc	2,65	Trung bình
3	Tinh thần trách nhiệm trong công việc	3,12	Trung bình
4	Kỹ năng tổ chức hội họp	3,31	Trung bình
5	Kỹ năng tập hợp, vận động quần chúng nhân dân	3,28	Trung bình
6	Kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin ở cơ sở	3,36	Trung bình
II	Cán bộ cấp thôn		
1	Hiểu rõ về các tiêu chí và nội dung thực hiện CT MTQG XDNTM	2,58	Yếu
2	Kỹ năng xử lý công việc	2,61	Trung bình
3	Tinh thần trách nhiệm trong công việc	2,76	Trung bình
4	Kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin ở cơ sở	3,41	Trung bình
5	Kỹ năng tổ chức hội họp	2,8	Trung bình
6	Kỹ năng tập hợp, vận động quần chúng nhân dân	3,4	Trung bình

Nguồn: kết quả khảo sát năm 2024

Bảng 9 thể hiện đánh giá của người dân về kiến thức, kỹ năng và thái độ của cán bộ, công chức làm công tác xây dựng nông thôn mới (NTM) ở cấp xã và cấp thôn. Cán bộ cấp xã được đánh giá với các kỹ năng và thái độ ở mức trung bình, đặc biệt là trong các tiêu chí như hiểu biết về chương trình và kỹ năng giao tiếp, tổ chức hội họp, vận động quần chúng. Cán bộ cấp thôn có mức đánh giá thấp hơn, đặc biệt về kiến thức chương trình NTM, với mức điểm yếu về hiểu biết các tiêu chí và nội dung thực hiện, trong khi các kỹ năng còn lại đều đạt mức trung bình, chỉ ra rằng còn nhiều hạn chế cần cải thiện.

3.2.3. Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế hộ và nguồn lực đất đai của hộ đến huy động nguồn lực đất đai vào xây dựng nông thôn mới

Yếu tố kinh tế hộ ảnh hưởng lớn đến việc hiến đất cho các công trình xây dựng nông thôn mới (NTM), do đất đai là tài sản có giá trị. Những hộ có điều kiện kinh tế tốt sẽ sẵn lòng hiến đất hơn. Kết quả cho thấy, 72,4% hộ tại Huy Giáp đồng ý hiến đất nếu có chủ trương đúng đắn, trong khi tỷ lệ này tại Kim Cúc là 55,6% và Xuân Trường là 24,22%. Hộ anh Lý Mạnh Hùng ở Xuân Trường đã hiến hơn 15.000m² đất làm đường giao thông và thấy rõ lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, quá trình tuyên truyền tại các xã vùng cao gặp khó khăn do nhiều hộ là dân tộc thiểu số nghèo. Điều kiện kinh tế cũng ảnh hưởng đến khả năng đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của các hộ.

Bảng 10: Thu nhập và nguồn lực đất đai của người các hộ điều tra

TT	Xã	Thu nhập bình quân năm 2024 (đồng/người/năm)	Diện tích đất (m ²)		Số hộ đồng ý hiến đất (%)	Số hộ đồng ý đối ứng kinh phí (trồng trọt, chăn nuôi) (%)
			DT đất BQ/hộ	DT đất NN BQ/hộ		
1	Huy Giáp	37.200.000	14.251	11.379	72,4	100
2	Xã Kim Cúc	23.600.000	15.552	10.236	55,6	72,44
3	Xã Xuân Trường	19.400.000	13.621	8.128	24,22	40,34

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra, năm 2024

Bảng 10 cho thấy mối quan hệ giữa thu nhập, diện tích đất và quyết định hiến đất, đối ứng kinh phí của các hộ gia đình tại ba xã Huy Giáp, Kim Cúc và Xuân Trường. Xã Huy Giáp, với thu nhập bình quân cao nhất và diện tích đất nông nghiệp lớn, có tỷ lệ hộ đồng ý hiến đất và đối ứng kinh phí cao nhất. Trong khi đó, xã Kim Cúc có mức thu nhập và diện tích đất thấp hơn, dẫn đến tỷ lệ hộ đồng ý hiến đất và đối ứng kinh phí cũng thấp hơn so với Huy Giáp. Xã Xuân Trường, với thu nhập và diện tích đất thấp nhất, có tỷ lệ đồng ý hiến đất và đối ứng kinh phí thấp nhất trong ba xã. Nhìn chung, thu nhập và diện tích đất nông nghiệp cao hơn tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình tham gia vào các hoạt động đóng góp cộng đồng, phù hợp với các nghiên cứu trước đây của (Huyền và c.s. 2019; Luận 2015), nhấn mạnh rằng điều kiện kinh tế hộ gia đình ảnh hưởng lớn đến sự tham gia của họ trong các chương trình cộng đồng.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát xây dựng nông thôn mới tại huyện Bảo Lạc trong giai đoạn 2020-2024 cho

thấy quá trình phát triển nông thôn mới ở đây còn đối mặt với không ít thách thức. Dù đã có sự nỗ lực trong việc triển khai, chỉ có một xã đạt đầy đủ 19 tiêu chí quốc gia, điều này phản ánh sự chênh lệch rõ rệt về mức độ phát triển giữa các xã. Bên cạnh đó, mức độ tham gia của người dân, đặc biệt trong việc huy động nguồn lực đất đai, còn hạn chế, tạo ra một khoảng cách trong sự đóng góp và tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Các yếu tố như cơ chế, chính sách và năng lực của đội ngũ cán bộ đã tác động trực tiếp đến hiệu quả của chương trình. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của chương trình xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới, việc cải thiện năng lực quản lý, hoàn thiện các chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, cùng với việc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động là hết sức cần thiết. Điều này không chỉ giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mà còn đảm bảo sự bền vững và phát triển toàn diện cho các xã trong huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Văn Cẩm, Nguyễn Văn Tâm, Hà Thị Hòa, Trần Thị Ngọc. (2021). Huy động nguồn lực cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn: những bài học kinh nghiệm. *TNU Journal of Science and Technology* 226(17):107–15.
- Huỳnh Công Chất. (2016). Giải pháp huy động nguồn lực cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ* (46):84–93.
- Đoàn Thị Hân. (2013). Giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, trường hợp nghiên cứu điểm tại xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. *Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp* (1):96–102.
- Trần Thị Hồng, Lương Thị Mỹ Chải. (2023). Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. *TNU Journal of Science and Technology* 228(11):310–23.
- Mai Thị Huyền, Nông Hữu Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Mai. (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* 268:61–70.
- Nguyễn Đình Luận. (2015). Vai trò của kinh tế tư nhân với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu và Trao đổi* 25(35):24–28.
- Nguyễn Thị Thu Hiền. (2017). *Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của mô hình HTX Dịch vụ và Môi trường huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An*.
- Nguyễn Tiếp Tân, Nguyễn Hồng Trường. (2021). *Các giải pháp nâng cao kết quả xây dựng nông thôn mới khu vực miền núi phía Bắc giai đoạn 2021-2025*.
- Nguyễn Thùy Trang, Võ Hồng Tú. (2016). Nhận thức và sự sẵn lòng đóng góp của nông hộ cho chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ* (46):96–103.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Văn Tâm

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên
- Địa chỉ email: nguyenvantam@tuaf.edu.vn

2. Nông Thị Nga

- Đơn vị công tác: Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

3. Bùi Ngọc Sơn

- Đơn vị công tác: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

4. Dương Thị Thu Hoài

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

5. Nguyễn Khắc Hải

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

Ngày nhận bài: 08/01/2025

Ngày nhận bản sửa: 4/03/2025

Ngày duyệt đăng: 25/03/2025